

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST

Ngày 07/9/2018

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chiến.
2. Ông Nguyễn Xuân Chuyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 07/9/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXX-ST ngày 22/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1994. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Hợp T, huyện Nam S, tỉnh Hải Dương.

Đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng cho Nguyên đơn chị Trần Thị D
là: Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1979. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đông T, xã Tam D, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Trần Tuấn A - sinh năm 1992. (Vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đông Th, xã Tam D, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại Hàn Quốc.

Đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng cho Bị đơn anh Trần Tuấn A là:
Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1977. (vắng mặt)

Địa chỉ: số 417 phố Bình M, thị trấn Đồi Ng, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 07/2/2018 Nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày: Chị và anh Trần Tuấn A kết hôn ngày 28/7/2015. Trước khi kết hôn chị và anh Tuấn A được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và anh Tuấn A bay từ Hàn Quốc về đăng ký kết hôn với chị tại UBND xã Tam D, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn được 1 tháng thì anh Tuấn A tiếp tục sang Hàn Quốc để lao động, còn chị vẫn ở Việt Nam. Ban đầu mới sang Hàn Quốc thì anh Tuấn A thường xuyên liên lạc với chị, vợ chồng vẫn hạnh phúc. Đến khoảng tháng 11 năm 2015 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên nghi ngờ, không tin tưởng nhau, chị và anh Tuấn A thường xuyên cãi nhau qua điện thoại. Từ tháng 1 năm 2016 đến nay thì anh Tuấn A không còn liên lạc với chị nữa. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Tuấn A.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về Tài sản, công nợ: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị làm việc tại Khu công nghiệp Yên Ph, tỉnh Bắc Ninh và do tính chất công việc nên không thể đến Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Tuấn A được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Tuấn A. Chị cũng ủy quyền cho Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979. Trú tại: Thôn Đông

Th, xã Tam D, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho chị biết.

Bị đơn anh Trần Tuấn A trình bày: Anh và chị Trần Thị D kết hôn ngày 28/7/2015. Trước khi kết hôn anh và chị D được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và anh từ Hàn Quốc về Việt Nam đăng ký kết hôn với chị D tại UBND xã Tam D, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn được 1 tháng thì anh tiếp tục sang Hàn Quốc để lao động, còn chị D vẫn ở Việt Nam. Ban đầu mới sang Hàn Quốc thì anh thường xuyên liên lạc với vợ, vợ chồng tuy xa cách nhưng vẫn hạnh phúc. Đến khoảng tháng 11 năm 2015 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên nghi ngờ, không tin tưởng nhau, anh và chị D thường xuyên cãi nhau qua điện thoại. Từ đó anh không còn liên lạc với chị D nữa. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị D đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về Tài sản, công nợ: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh đang lao động tại Hàn Quốc nên không thể về Việt Nam tham gia các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị D và anh được. Vì vậy, anh đề nghị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị D và anh. Anh cũng ủy quyền cho Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1977, trú tại: số 417 phố Bình M, thị trấn Đồi Ng, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho anh biết.

Tại đơn trình bày đề ngày 29/6/2018 chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1977, trú tại: số 417 phố Bình M, thị trấn Đồi Ng, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang đồng ý nhận ủy quyền của anh Trần Tuấn A và cam đoan sẽ thông báo lại cho anh Trần Tuấn A biết các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh trong vụ án Tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa chị D và anh.

Tại phiên tòa chị D và anh Tuấn A đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử đã công bố đơn khởi kiện; bản tự khai của chị D, Bản tự khai của anh Tuấn A, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị D và anh Trần Tuấn A có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị D, anh Tuấn A.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Trần Thị D là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Trần Tuấn A, anh Tuấn A có Hộ khẩu thường trú tại xã Tam D, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang, hiện đang lao động tại Hàn Quốc. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Trần Tuấn Anh kết hôn ngày 28/7/2015. Trước khi kết hôn chị D và anh Tuấn A được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và anh Tuấn A từ Hàn Quốc về đăng ký kết hôn với chị D tại UBND xã Tam D, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn được 1 tháng thì anh Tuấn A tiếp tục sang Hàn Quốc để lao động, còn chị D vẫn ở Việt Nam. Ban đầu mới sang Hàn Quốc thì anh Tuấn A thường xuyên liên lạc với chị D, vợ chồng vẫn hạnh phúc. Đến khoảng tháng 11 năm 2015 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên nghi ngờ, không tin tưởng nhau, chị D và anh Tuấn A thường xuyên cãi nhau qua điện thoại. Từ tháng 1 năm 2016 đến nay thì anh Tuấn A không còn liên lạc với chị D nữa. Cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị D xin ly hôn anh Tuấn A, anh Tuấn A cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh Tuấn A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 53, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị D và anh Tuấn A được ly hôn.

[4]. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Trần Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị D đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D được ly hôn anh Trần Tuấn A.

2. Về án phí: Chị Trần Thị D phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000022 ngày 25/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị D đã nộp đủ.

Chị Trần Thị D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định

Anh Tuấn A hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam D;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)**

Thân Quốc Hùng